



汉 语

Hànyǔ · hán ngữ · tiếng Trung Quốc

Hàn

丶 丶 讠 讠 讠

汉 汉 汉 汉

yǔ

丶 讠 讠 讠 讠 讠 讠 讠 讠

语 语 语 语